

Quận 8, ngày 08 tháng 9 năm 2023

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC
MÔN TOÁN**

A. Chương trình giảng dạy Khối 6

- Học kỳ 1: 18 tuần (04 tiết/tuần)

- Học kỳ 2: 17 tuần (04 tiết/tuần)

STT	Bài học	Số tiết	Tiết PPCT	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú (- Nội dung tích hợp, lồng ghép - Hoạt động thực hành, trải nghiệm -...)
1.	CHƯƠNG 1: SỐ TỰ NHIÊN Tập hợp. Phần tử của tập hợp	2	1	- Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp.	
			2	- Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	
2.	CHƯƠNG 8: CÁC HÌNH HÌNH HỌC CƠ BẢN Điểm. Đường thẳng	1	3	- Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.	

3.	Ba điểm thẳng hàng. Ba điểm không thẳng hàng	1	4	– Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. – Vận dụng khái niệm ba điểm thẳng hàng vào thực tiễn như: trồng cây thẳng hàng, để các đồ vật thẳng hàng,... – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.	
4.	Tập hợp số tự nhiên. Ghi số tự nhiên	2	5	– Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân. – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.	
			6	– Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên; so sánh được hai số tự nhiên cho trước.	
5.	Hai đường thẳng cắt nhau, song song. Tia	1	7	– Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. – Nhận biết được khái niệm tia.	
6.	Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng	1	8	Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, đo được độ dài đoạn thẳng.	
7.	Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên	2	9	– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.	
			10		
8.	Trung điểm của đoạn thẳng	2	11	Nhận biết được một điểm là trung điểm của đoạn thẳng.	
			12		
9.	Lũy thừa với số mũ tự nhiên	2	13	– Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia	

				hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có,...).	
			14		
10.	Góc	2	15	Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm).	
			16		
11.	Thứ tự thực hiện các phép tính	2	17	– Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính	
			18	– Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.	
12.	Số đo góc. Các góc đặc biệt	2	19	– Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).	
			20	– Nhận biết được khái niệm số đo góc.	
13.	Chia hết và chia có dư. Tính chất chia hết của một tổng	2	21	– Nhận biết được quan hệ chia hết, chia có dư	
			22		
14.	Bài tập cuối chương 8	2	23	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
			24		
15.	Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5	1	25	– Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5 hay không.	
16.	Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9	1	26	– Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 3 và 9 để xác định một số đã cho có chia hết cho 3 và 9 hay không.	

17.	Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Khám phá dụng cụ đo góc và thực hành đo góc trên mặt đất. (Hoặc sử dụng phần mềm GeoGebra Classic 5 để vẽ các hình hình học cơ bản)	2	27	- Sử dụng phần mềm để hỗ trợ việc học các kiến thức hình học. - Thực hành sử dụng phần mềm để vẽ hình và thiết kế đồ họa liên quan đến các khái niệm: tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân, hình đối xứng.	
	Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Khám phá dụng cụ đo góc và thực hành đo góc trên mặt đất. (Hoặc sử dụng phần mềm GeoGebra Classic 5 để vẽ các hình hình học cơ bản)		28		
18.	Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 (tt)	1	29	Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 3 và 9 để xác định một số đã cho có chia hết cho 3 và 9 hay không.	
19.	Kiểm tra giữa HK1 (Dự kiến)	2	30		
			31		
20.	CHƯƠNG 3: CÁC HÌNH	1	32	- Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. - Mô tả được một số yếu tố cơ	

	PHẪNG TRONG THỰC TIỄN Hình vuông - Tam giác đều - Lục giác đều			bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều ,hình vuông ,lục giác đều – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. – Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.	
21.	Ước và bội	1	33	– Nắm được khái niệm ước và bội.	
22.	Hình vuông - Tam giác đều - Lục giác đều	1	34	– Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. – Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.	
23.	Thu thập và phân loại dữ liệu	2	35	– Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác.	
			36	– Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản	
24.	Số nguyên tố. Hợp số. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố	2	37	– Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số.	
			38	– Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.	
25.	Hình vuông - Tam giác đều - Lục giác đều	1	39	– Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. – Tạo lập được lục giác đều	

				thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.	
26.	Biểu diễn dữ liệu trên bảng	1	40	– Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart). – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).	
27.	Ước chung. Ước chung lớn nhất	2	41	– Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; nhận biết được phân số tối giản; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất. – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn	
			42		
28.	Hình vuông - Tam giác đều - Lục giác đều	1	43	– Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. – Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều	
29.	Biểu diễn dữ liệu trên bảng	1	44	– Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart). – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).	

30.	Bội chung. Bội chung nhỏ nhất	2	45	– Xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; nhận biết được phân số tối giản; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng bội chung nhỏ nhất. – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn	
			46		
31.	Hình vuông - Tam giác đều - Lục giác đều	1	47	– Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. – Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều	
32.	Biểu đồ tranh	1	48	– Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart). – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).	
33.	Bài tập cuối chương 1	2	49	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
			50		
34.	Hình chữ nhật - Hình thoi - Hình bình hành - Hình thang cân	1	51	– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.	
35.	Biểu đồ tranh	1	52	– Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê;	

				biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart). – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).	
36.	CHƯƠNG 2: SỐ NGUYÊN Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên	1	53	– Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. – Biểu diễn được số nguyên trên trục số. – Nhận biết được số đối của một số nguyên. – Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.	
37.	Thứ tự trong tập hợp số nguyên	1	54	– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. So sánh được hai số nguyên cho trước.	
38.	Hình chữ nhật - Hình thoi - Hình bình hành - Hình thang cân	1	55	– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập.	
39.	Biểu đồ cột – Biểu đồ cột kép	1	56	– Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).	
40.	Phép cộng và phép trừ hai số nguyên	2	57	– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, trong tập hợp các số nguyên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý).	
			58	– Giải quyết được những vấn đề	

				thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).	
41.	Hình chữ nhật - Hình thoi - Hình bình hành - Hình thang cân	1	59	– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập	
42.	Biểu đồ cột – Biểu đồ cột kép	1	60	Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart).	
43.	Kiểm tra cuối HK1 (Dự kiến)	2	61	Hs hoàn thành bài kt	
			62		
44.	Hình chữ nhật - Hình thoi - Hình bình hành - Hình thang cân	1	63	– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập	
45.	Bài tập cuối chương 4	1	64	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
46.	Phép nhân và phép chia hết hai số nguyên	2	65	– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các	
			66		

				phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).	
47.	Hình chữ nhật - Hình thoi - Hình bình hành - Hình thang cân	1	67	– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập	
48.	Bài tập cuối chương 4	1	68	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
49.	Bài tập cuối chương 2	2	69 70	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
50.	Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Thu thập dữ liệu về nhiệt độ trong tuần tại địa phương	2	71 72	– Thu thập và biểu diễn các dữ liệu từ một vài tình huống trong thực tiễn, ví dụ: thu thập nhiệt độ của địa phương tại mốc thời gian nhất định trong một tuần lễ, từ đó đưa ra những nhận xét về biến đổi thời tiết của địa phương trong tuần	
51.	CHƯƠNG 5: PHÂN SỐ Phân số với tử số và mẫu số là số nguyên	1	73	– Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.	
52.	Tính chất cơ bản của phân số	1	74	– Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.	
53.	Hình chữ nhật - Hình thoi - Hình bình hành - Hình thang cân	2	75 76	– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. – Vẽ được hình chữ nhật, hình	

				thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập	
54.	Tính chất cơ bản của phân số (tt)	1	77	– Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.	
55.	So sánh phân số	1	78	– So sánh được hai phân số cho trước. – Nhận biết được số đối của một phân số. – Nhận biết được hỗn số dương.	
56.	Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn	2	79	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).	
			80		
57.	Phép cộng và phép trừ phân số	2	81	– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ phân số.	
			82		
58.	Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn	2	83	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).	
			84		
59.	Phép cộng và phép trừ phân số (tt)	1	85	– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ phân số.	
60.	Phép nhân và phép chia phân số	1	86	– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý).	

61.	Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn	2	87	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).	
			88		
62.	Phép nhân và phép chia phân số	1	89	– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).	
63.	Giá trị phân số của một số	1	90	– Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.	
64.	Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Tính Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn	2	91	– Vận dụng các công thức tính diện tích và thể tích vào thực tiễn. Đo đạc và tính diện tích bề mặt, tính thể tích của các đồ vật có liên quan đến các hình đã học.	
			92		
65.	Giá trị phân số của một số	2	93 94	– Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.	
66.	Bài tập cuối chương 3	2	95	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
			96		
67.	Kiểm tra giữa HK2 (dự kiến)	2	97		
			98		

	CHƯƠNG 7: TÍNH ĐỐI XỨNG CỦA HÌNH PHẪNG TRONG THỂ GIỚI TỰ NHIÊN Hình có trục đối xứng	1	99	– Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	
68.	Phép thử nghiệm – Sự kiện	1	100	– Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu,...). – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.	
69.	Hỗn số	1	101	– Đổi được hỗn số ra phân số và ngược lại. – Thực hiện được các bước so sánh và tính toán với hỗn số.	
70.	Bài tập cuối chương 5	1	102	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
71.	Hình có trục đối xứng	1	103	– Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	

72.	Phép thử nghiệm – Sự kiện	1	104	– Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu,...). – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.	
73.	Bài tập cuối chương 5	1	105	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
74.	CHƯƠNG 6: SỐ THẬP PHÂN Số thập phân	1	106	– Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. – So sánh được hai số thập phân cho trước.	
75.	Hình có tâm đối xứng	1	107	– Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	
76.	Phép thử nghiệm – Sự kiện		108	– Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu,...). – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.	
77.	Các phép tính với số thập phân	1	109	– Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. – So sánh được hai số thập phân cho trước.	

78.	Làm tròn số thập phân và ước lượng kết quả	1	110	– Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.	
79.	Hình có tâm đối xứng	1	111	– Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. – Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).	
80.	Xác suất thực nghiệm	1	112	Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.	
81.	Làm tròn số thập phân và ước lượng kết quả	1	113	– Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân.	
82.	Tỉ số và tỉ số phần trăm	1	114	– Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm	
83.	Vai trò của tính đối xứng trong thế giới tự nhiên	1	115	– Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).	

84.	Xác suất thực nghiệm	1	116	Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.	
85.	Tỉ số và tỉ số phần trăm	1	117	– Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm	
86.	Bài toán về tỉ số phần trăm	1	118	– Giải quyết được một số bài toán, vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...).	
87.	Vai trò của tính đối xứng trong thế giới tự nhiên	1	119	– Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... – Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng).	
88.	Xác suất thực nghiệm	1	120	Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản.	
89.	Bài toán về tỉ số phần trăm	2	121	– Giải quyết được một số bài	

			122	toán, vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...).	
90.	Bài tập cuối chương 7	1	123	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
91.	Bài tập cuối chương 9	1	124	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
92.	Bài toán về tỉ số phần trăm	2	125	– Giải quyết được một số bài toán, vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...).	
			126		
93.	Kiểm tra HK2 (dự kiến)	2	127		
			128		
94.	Bài tập cuối chương 6	2	129	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
			130		
95.	Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Tính Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiễn	2	131	– Vận dụng các công thức tính diện tích và thể tích vào thực tiễn. Đo đạc và tính diện tích bề mặt, tính thể tích của các đồ vật có liên quan đến các hình đã học.	
			132		
96.	Bài tập cuối chương 6	2	133	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
			134		
97.	Bài tập cuối chương 7	1	135	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	

98.	Bài tập cuối chương 9	1	136	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	
99.	Hoạt động thực hành và trải nghiệm: tỉ số phần trăm và lãi suất ngân hàng. Tỉ số phần trăm trong đời sống.	2	137 138	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...).	
100.	Bài tập cuối chương 7	2	139 140	HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài tập	

B. Chương trình giảng dạy Khối 7

- Học kỳ 1: 18 tuần (04 tiết/tuần)
- Học kỳ 2: 17 tuần (04 tiết/tuần)

STT	BÀI HỌC	SỐ TIẾT	TIẾT PTCT	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	Ghi chú (- Nội dung tích hợp, lồng ghép - Hoạt động thực hành, trải nghiệm -...)
1	CHƯƠNG 1. SỐ HỮU TỈ. Tập hợp các số hữu tỉ	2	1	– Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ.	

			2	– Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số. – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. - So sánh được hai số hữu tỉ.	
2	CHƯƠNG 3: CÁC HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN Hình hộp chữ nhật- Hình lập phương	2	3 4	– Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương.	
3	Các phép tính với số hữu tỉ	2	5 6	– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số hữu tỉ (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).	
4	Diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương	2	7 8	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).	

5	Các phép tính với số hữu tỉ	2	9 10	– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số hữu tỉ (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).	
6	Diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương	1	11	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).	
7	Hình lăng trụ đứng tam giác - Hình lăng trụ đứng tứ giác	1	12	– Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật) và tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.	
8	Các phép tính với số hữu tỉ	2	13	– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính	

			14	toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số hữu tỉ (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).	
9	Hình lăng trụ đứng tam giác - Hình lăng trụ đứng tứ giác	1	15	– Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật) và tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.	
10	Diện tích xung quanh và thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác - hình lăng trụ đứng tứ giác	1	16	– Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...).	
11	Luỹ thừa của một số hữu tỉ	2	17 18	– Mô tả được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số, luỹ thừa của luỹ thừa).	
12	Diện tích xung quanh và thể tích của	2	19	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật,	

	hình lăng trụ đứng tam giác - hình lăng trụ đứng tứ giác		20	hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).	
13	Luỹ thừa của một số hữu tỉ	2	21 22	– Mô tả được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số, luỹ thừa của luỹ thừa).	
14	Các bài toán về đo đạc và gấp hình (HĐTHTN)	2	23 24	- Làm quen với việc ước lượng kiến thức của một số hình thường gặp - Biết cách đo kích thước và áp dụng công thức để tính được diện tích của các bề mặt và thể tích của một số hình trong thực tế	Tham khảo SGK CTST tập 1 trang 64
15	Luỹ thừa của một số hữu tỉ	1	25	– Mô tả được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số, luỹ thừa của luỹ thừa).	
16	Quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế	1	26	– Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).	
17	Bài tập cuối chương 3	2	27 28	Ôn tập các kiến thức đã học	
18	KIỂM TRA GIỮA HK1	2	23 30		

	(TUẦN 8) (dự kiến)				
19	CHƯƠNG 4: GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG. Các góc ở vị trí đặc biệt	2	31 32	– Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh).	
20	Quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế	1	33	– Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).	
21	Bài tập cuối chương 1	1	34	– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số hữu tỉ (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).	
22	Tia phân giác	2	35 36	– Nhận biết được tia phân giác của một góc. – Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập.	
23	Bài tập cuối chương 1	1	37	– Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, lũy	

				– Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong. – Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song.	
28	Số thực. Giá trị tuyệt đối của một số thực	2	45 46	– Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. – Nhận biết được số thực, tập hợp các số thực. – Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi. – Nhận biết được số đối của một số thực. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số thực. – Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.	
29	Định lí và chứng minh một định lí	1	47	Nhận biết được thế nào là một định lí, chứng minh một định lí.	
30	CHƯƠNG 5: MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ. Thu thập và phân loại dữ liệu	1	48	– Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: văn bản, bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác và trong thực tiễn. – Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...).	
31	Số thực. Giá trị tuyệt đối	1	49	– Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.	

[illegible]

			56	– Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu. – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (pie chart) – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (pie chart) – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 7 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 7, Khoa học tự nhiên lớp 7,...) và trong thực tiễn (ví dụ: môi trường, y học, tài chính,...).	
37	Làm tròn số và ước lượng kết quả	2	57 58	–Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.	
38	Bài tập cuối chương 4	1	59	Ôn tập các kiến thức đã học	
39	Biểu đồ đoạn thẳng	1	60	– Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ thống kê: biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu. – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ đoạn thẳng (line graph).	

				– Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 7 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 7, Khoa học tự nhiên lớp 7,...) và trong thực tiễn (ví dụ: môi trường, y học, tài chính,...).	
40	KIỂM TRA HK1 (TUẦN 16) (dự kiến)	2	61 62		
41	Biểu đồ đoạn thẳng	1	63	– Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ thống kê: biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu. – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 7 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 7, Khoa học tự nhiên lớp 7,...)	

				và trong thực tiễn (ví dụ: môi trường, y học, tài chính,...).	
42	Bài tập cuối chương 5	1	64	Ôn tập các kiến thức đã học	
43	Bài tập cuối chương 2	2	65 66	Ôn tập các kiến thức đã học	
44	Bài tập cuối chương 5	2	67 68	Ôn tập các kiến thức đã học	
45	CHƯƠNG 8: TAM GIÁC. Góc và cạnh của một tam giác	2	69 70	– Giải thích được định lý về tổng các góc trong một tam giác bằng 180 độ – Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác.	
46	Dùng biểu đồ để phân tích kết quả học tập ôn Toán của lớp. (HĐTHTN) Hoặc vận dụng kiến thức thống kê để đọc hiểu các bảng biểu trong Lịch sử và Địa lý lớp 7, Khoa học tự nhiên lớp 7	2	71 72	Vận dụng kiến thức thống kê vào việc thu thập, phân loại và biểu diễn dữ liệu trong các tình huống thực tiễn Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích số liệu thu được ở dạng: biểu đồ hình tròn, biểu đồ đoạn thẳng	Tham khảo SGK CTST tập 1 trang 108
47	CHƯƠNG 6. CÁC ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ. Tỉ lệ thức - dãy tỉ số bằng nhau	2	73 74	– Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức. – Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán. – Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau. – Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán (ví dụ: chia một số	

				thành các phân tử lệ với các số cho trước,...).	
48	Tam giác bằng nhau	2	75 76	– Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau. – Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông. – Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học.	
49	CHƯƠNG 6. CÁC ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ. Tỉ lệ thức - dãy tỉ số bằng nhau	2	77 78	– Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức. – Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán. – Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau. – Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán (ví dụ: chia một số thành các phần tỉ lệ với các số cho trước,...).	
50	Tam giác bằng nhau	2	79	– Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau. – Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông. – Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng	

			80	bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học.	
51	Đại lượng tỉ lệ thuận	2	81 82	– Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận (ví dụ: bài toán về tổng sản phẩm thu được và năng suất lao động,...).	
52	Tam giác bằng nhau	2	83 84	– Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau. – Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông. – Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học.	
53	Đại lượng tỉ lệ thuận	1	85	– Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận (ví dụ: bài toán về tổng sản phẩm thu được và năng suất lao động,...).	
54	Đại lượng tỉ lệ nghịch	1	86	– Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch (ví dụ: bài toán về thời gian hoàn thành kế	

				ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học.	
58	Bài tập cuối chương 6	2	93 94	Ôn tập các kiến thức đã học	
59	Làm giàn hoa tam giác để trang trí lớp học. Hoặc Vẽ hai đường thẳng song song và đo góc bằng phần mềm GeoGebra (HĐHTN) (Chỉ chọn 1 trong 2 hoạt động)	2	95 96	Vận dụng các kiến thức đã học về tam giác để làm ra sản phẩm đẹp mắt trang trí lớp học Luyện tập kỹ năng vẽ góc, đo góc, vẽ 2 đường thẳng song song bằng phần mềm GeoGebra	Tham khảo SGK CTST tập 1 trang 85 Tham khảo SGK CTST tập 2 trang 83
60	KIỂM TRA GIỮA HK2 (TUẦN 25) (dự kiến)	2	97 98		
61	Đường vuông góc và đường xiên	2	99 100	– Nhận biết được khái niệm: đường vuông góc và đường xiên; khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng. Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối trong tam giác (đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn và ngược lại).	
62	CHƯƠNG 7. BIỂU THỨC ĐẠI SỐ. Biểu thức số, biểu thức đại số	2	101 102	– Nhận biết được biểu thức số. – Nhận biết được biểu thức đại số. – Tính được giá trị của một biểu thức đại số.	

63	Đường trung trực của một đoạn thẳng	1	103	Ôn tập các kiến thức đã học	
64	CHƯƠNG 9: MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT Làm quen với biến cố ngẫu nhiên	1	104	Làm quen với các khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên và xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản.	
65	Đa thức một biến	2	105 106	– Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến. – Nhận biết được cách biểu diễn đa thức một biến; xác định được bậc của đa thức một biến. – Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến. – Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến.	
66	Đường trung trực của một đoạn thẳng	1	107	– Nhận biết được đường trung trực của một đoạn thẳng và tính chất cơ bản của đường trung trực.	
67	Làm quen với biến cố ngẫu nhiên	1	108	Làm quen với các khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên và xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản.	
68	Đa thức một biến	1	109	– Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến. – Nhận biết được cách biểu diễn đa thức một biến; xác định được bậc của đa thức một biến. – Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến. – Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến.	

C. Chương trình giảng dạy Khối 8

- Học kỳ 1: 18 tuần (04 tiết/tuần)

69	Phép cộng và phép trừ đa thức một biến	1	110	–Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán.	
70	Tính chất ba đường trung trực của tam giác	1	111	– Nhận biết được đường trung trực trong tam giác; sự đồng quy của các đường trung trực	
71	Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên	1	112	Làm quen với các khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên và xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản.	
72	Phép cộng và phép trừ đa thức một biến	1	113	–Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán.	
73	Tính chất ba đường trung tuyến của tam giác	2	114 115	– Nhận biết được đường trung trực trong tam giác; sự đồng quy của các đường trung trực	
74	Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên	1	116	Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (ví dụ: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,...).	
75	Phép cộng và phép trừ đa thức một biến	1	117	–Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán.	
76	Phép nhân và phép chia đa thức một biến	1	118	–Thực hiện được các phép tính: phép nhân, phép chia trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được	

- Học kỳ 2: 17 tuần (04 tiết/tuần)

				những tính chất của các phép tính đó trong tính toán.	
77	Tính chất ba đường cao của tam giác	1	119	– Nhận biết được đường cao trong tam giác; sự đồng quy của các đường cao	
78	Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên	1	120	Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (ví dụ: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,...).	
79	Phép nhân và phép chia đa thức một biến	2	121 122	–Thực hiện được các phép tính: phép nhân, phép chia trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán.	
80	Tính chất ba đường cao của tam giác	1	123	– Nhận biết được đường cao trong tam giác; sự đồng quy của các đường cao	
81	Bài tập cuối chương 9	1	124	Ôn tập các kiến thức đã học	
82	KIỂM TRA HK2 (TUẦN 32) (dự kiến)	2	125 126		
83	Phép nhân và phép chia đa thức một biến	1	127	–Thực hiện được các phép tính: phép nhân, phép chia trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán.	
84	Bài tập cuối chương 7	1	128		
85	Bài tập cuối chương 9	2	129 130		
86	Tính chất ba đường phân giác của tam giác	2	131 132	– Nhận biết được đường phân giác trong tam giác; sự đồng quy của các đường phân giác	

87	Cách tính điểm trung bình môn học kì (HĐHTN)	1	133	Vận dụng biểu thức đại số để tính điểm trung bình môn học kì	Tham khảo SGK CTST tập 2 trang 41
88	Nhảy theo xúc xắc (HĐHTN)	2	134 135	Làm quen với các khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên; nhận biết xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một trò chơi đơn giản.	Tham khảo SGK CTST tập 2 trang 95
89	Bài tập cuối chương 8	1	136	Ôn tập các kiến thức đã học	
90	Bài tập cuối chương 7	2	137 138	Ôn tập các kiến thức đã học	
91	Bài tập cuối chương 8	2	139 140	Ôn tập các kiến thức đã học	
STT	Bài học	Số tiết	Tiết PPCT	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú (- Nội dung tích hợp, lồng ghép - Hoạt động thực hành, trải nghiệm -...)
1	CHƯƠNG 1: BIỂU THỨC ĐẠI SỐ Bài 1: Đơn thức và đa	2	1,2	– Nhận biết được các khái niệm về đơn thức, đa thức nhiều biến.	

	thức nhiều biến			– Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến. – Thực hiện được việc thu gọn đơn thức, đa thức.	
2	CHƯƠNG 2: CÁC HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN Bài 1: Hình chóp tam giác đều – Hình chóp tứ giác đều	2	3,4	– Mô tả (đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên), tạo lập được hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều.	
3	CHƯƠNG 1: BIỂU THỨC ĐẠI SỐ Bài 1: Đơn thức và đa thức nhiều biến	1	5	– Nhận biết được các khái niệm về đơn thức, đa thức nhiều biến. – Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến. – Thực hiện được việc thu gọn đơn thức, đa thức.	
4	Bài 2: Các phép toán với đa thức nhiều biến	1	6	– Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức. – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân các đa thức nhiều biến trong những trường hợp đơn giản. – Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản.	

5	Bài 2: Diện tích xung quanh và thể tích hình chóp tam giác đều – Hình chóp tứ giác đều	2	7,8	– Tính được diện tích xung quanh, thể tích của một hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều,...).	
6	Bài 2: Các phép toán với đa thức nhiều biến	2	9,10	– Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức. – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân các đa thức nhiều biến trong những trường hợp đơn giản. – Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản.	
7	Bài tập cuối chương 2	2	11,12	Ôn tập chương 2	
8	Bài 2: Các phép toán với đa thức nhiều biến	1	13	– Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức. – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ,	

				phép nhân các đa thức nhiều biến trong những trường hợp đơn giản. – Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản.	
9	Bài 3: Hằng đẳng thức đáng nhớ	1	14	– Nhận biết được các khái niệm: đồng nhất thức, hằng đẳng thức. – Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương; lập phương của tổng và hiệu; tổng và hiệu hai lập phương. – Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức; vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung	
10	Bài tập cuối chương 2	2	15,16	Ôn tập chương 2	
11	Bài 3: Hằng đẳng thức đáng nhớ	2	17,18	– Nhận biết được các khái niệm: đồng nhất thức, hằng đẳng thức. – Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương; lập phương của tổng và hiệu; tổng và hiệu hai lập phương. – Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa	

				thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức; vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung	
12	Dùng vật liệu tái chế gấp hộp quà tặng (HĐTHTN)	2	19,20	Biết cách gấp hộp quà hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều từ các vật liệu đơn giản.	
13	Bài 3: Hằng đẳng thức đáng nhớ	2	21,22	- Nhận biết được các khái niệm: đồng nhất thức, hằng đẳng thức. - Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương; lập phương của tổng và hiệu; tổng và hiệu hai lập phương. - Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức; vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung	
14	CHƯƠNG 3: ĐỊNH LÝ PYTHAGOR E. CÁC LOẠI TỨ GIÁC THƯỜNG GẤP Bài 1: Định lý Pythagore	2	23,24	- Giải thích được định lý Pythagore. - Tính được độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lý Pythagore. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lý Pythagore (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí).	

15	Bài 4: Phân tích đa thức thành nhân tử (Đặt nhân tử chung và HĐT)	2	25,26	– Phân tích đa thức thành nhân tử bằng cách đặt nhân tử chung – Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức; vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung.	
16	Bài 2: Tứ giác	1	27	– Mô tả được tứ giác, tứ giác lồi. – Giải thích được định lý về tổng các góc trong một tứ giác lồi bằng 360°.	
17	Bài 3: Hình Thang. Hình thang cân	1	28	– Giải thích được tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên, đường chéo của hình thang cân. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân (ví dụ: hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân).	
18	KIỂM TRA GIỮA HK1 (TUẦN 8) (dự kiến)	2	29,30		
19	Bài 3: Hình Thang. Hình thang cân	2	31,32	– Giải thích được tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên, đường chéo của hình thang cân. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân (ví dụ: hình thang có hai	

				đường chéo bằng nhau là hình thang cân).	
20	Bài 4: Phân tích đa thức thành nhân tử (nhóm hạng tử và luyện tập)	2	33,34	– Phân tích đa thức thành nhân tử bằng cách đặt nhân tử chung – Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức; vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung.	
21	Bài 4: Hình Bình Hành. Hình Thoi	2	35,36	– Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành. – Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành (ví dụ: tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình bình hành). – Giải thích được tính chất về đường chéo của hình thoi. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình thoi (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình thoi).	
22	Bài 5: Phân thức đại số	1	37	– Nhận biết được các khái niệm cơ bản về phân thức đại số: định nghĩa; điều kiện xác định; giá trị của phân thức đại số; hai phân thức bằng nhau. – Mô tả được những tính chất cơ bản của phân thức đại số.	

23	CHƯƠNG 4: MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ Bài 1: Thu thập và phân loại dữ liệu	1	38	– Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản; bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giáo dục khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục môi trường, Giáo dục tài chính,...); phỏng vấn, truyền thông, Internet; thực tiễn (môi trường, tài chính, y tế, giá cả thị trường,...). – Chứng tỏ được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí trong các số liệu điều tra; tính hợp lí của các quảng cáo,...).	
24	Bài 4: Hình Bình Hành. Hình Thoi	2	39,40	– Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành. – Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành (ví dụ: tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình bình hành). – Giải thích được tính chất về đường chéo của hình thoi. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình thoi (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình thoi).	

25	Bài 5: Phân thức đại số	1	41	– Nhận biết được các khái niệm cơ bản về phân thức đại số: định nghĩa; điều kiện xác định; giá trị của phân thức đại số; hai phân thức bằng nhau. – Mô tả được những tính chất cơ bản của phân thức đại số.	
26	Bài 1: Thu thập và phân loại dữ liệu	1	42	– Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản; bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giáo dục khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục môi trường, Giáo dục tài chính,...); phỏng vấn, truyền thông, Internet; thực tiễn (môi trường, tài chính, y tế, giá cả thị trường,...). – Chứng tỏ được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí trong các số liệu điều tra; tính hợp lí của các quảng cáo,...).	
27	Bài 5: Hình chữ nhật. Hình vuông	2	43,44	– Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình chữ nhật. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật).	

				– Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình vuông. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình chữ nhật là hình vuông (ví dụ: hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình vuông).	
28	Bài 6: Cộng trừ phân thức	2	45,46	– Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ đối với hai phân thức đại số. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, quy tắc dấu ngoặc với phân thức đại số trong tính toán.	
29	Bài 2: Lựa chọn dạng biểu đồ để biểu diễn dữ liệu	1	47	– Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Nhận biết được mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn. Từ đó, nhận biết được số liệu không chính xác trong những ví dụ đơn giản. – So sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu. – Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác.	

30	Bài 5: Hình chữ nhật. Hình vuông	1	48	– Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình chữ nhật. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật). – Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình vuông. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình chữ nhật là hình vuông (ví dụ: hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình vuông).	
31	Bài 6: Cộng trừ phân thức	2	49,50	– Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ đối với hai phân thức đại số. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, quy tắc dấu ngoặc với phân thức đại số trong tính toán.	
32	Bài 2: Lựa chọn dạng biểu đồ để biểu diễn dữ liệu	1	51	– Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Nhận biết được mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn. Từ đó, nhận biết được số liệu không	

				chính xác trong những ví dụ đơn giản. – So sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu. – Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác.	
33	Bài 5: Hình chữ nhật. Hình vuông	1	52	– Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình chữ nhật. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật). – Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình vuông. – Nhận biết được dấu hiệu để một hình chữ nhật là hình vuông (ví dụ: hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình vuông).	
34	Bài 7: Nhân, chia phân thức	2	53,54	– Thực hiện được các phép tính: phép nhân, phép chia đối với hai phân thức đại số. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân thức đại số trong tính toán.	
35	Bài 3: Phân tích dữ liệu	1	55	– Phát hiện được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được	

				ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 8, Khoa học tự nhiên lớp 8,...) và trong thực tiễn.	
36	Bài tập cuối chương 3	1	56	Ôn tập chương 3	
37	Bài tập cuối chương 1	2	57,58	Ôn tập chương 1	
38	Bài 3: Phân tích dữ liệu	1	59	– Phát hiện được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các	

				số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph). – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học khác trong Chương trình lớp 8 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 8, Khoa học tự nhiên lớp 8,...) và trong thực tiễn.	
39	Bài tập cuối chương 3	1	60	Ôn tập chương 3	
40	KIỂM TRA HK1 (TUẦN 16) (dự kiến)	2	61,62		
41	Bài tập cuối chương 3	2	63,64	Ôn tập chương 3	
42	Bài tập cuối chương 1	2	65,66	Ôn tập chương 1	
43	Bài tập cuối chương 4	2	67,68	Ôn tập chương 4	
44	Bài tập cuối chương 4	2	69,70	Ôn tập chương 4	
45	Làm tranh treo tường minh họa các loại tứ giác đặc biệt (HĐTHTN)	2	71,72	Vận dụng các kiến thức đã học về tứ giác để làm ra các sản phẩm đẹp mắt, vừa giúp trang trí góc học tập và giúp hỗ trợ ôn tập Toán.	
46	CHƯƠNG 5: HÀM SỐ VÀ ĐỒ THỊ	2	73,74	– Nhận biết được những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số.	

	Bài 1: Khái niệm hàm số			– Tính được giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức	
47	CHƯƠNG 7: ĐỊNH LÝ THALES Bài 1: Định lý Thales trong tam giác	2	75,76	– Giải thích được định lý Thalès trong tam giác (định lý thuận và đảo). – Tính được độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lý Thalès. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lý Thalès (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí).	
48	Bài 2: Tọa độ của một điểm và đồ thị của hàm số	2	77,78	– Xác định được tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ; xác định được một điểm trên mặt phẳng tọa độ khi biết tọa độ của nó. – Nhận biết được đồ thị hàm số.	
49	CHƯƠNG 7: ĐỊNH LÝ THALES Bài 1: Định lý Thales trong tam giác	2	79,80	– Giải thích được định lý Thalès trong tam giác (định lý thuận và đảo). – Tính được độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lý Thalès. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lý Thalès (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí).	
50	Bài 3: Hàm số bậc nhất $y = ax + b$ (a khác 0)	2	81,82	– Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ (a khác 0).	

				– Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ (a khác 0). – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...).	
51	Ứng dụng định lý Thales để ước lượng tỉ lệ chiều ngang, chiều dọc; độ cao của một vật. (HĐTHTN)	2	83,84	Vận dụng các kiến thức đã học về định lý Thales để xác định tỉ lệ giữa chiều cao và chiều ngang của một vật ở xa.	
52	Bài 3: Hàm số bậc nhất $y = ax + b$ (a khác 0)	1	85	– Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ (a khác 0). – Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ (a khác 0). – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...).	
53	Bài 4: Hệ số góc của đường thẳng	1	86	– Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ (a khác 0). – Sử dụng được hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.	
54	Bài 2: Đường trung bình của tam giác	2	87,88	– Mô tả được định nghĩa đường trung bình của tam giác. Giải thích được tính	

				chất đường trung bình của tam giác (đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh đó).	
55	Bài 4: Hệ số góc của đường thẳng	2	89,90	- Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ (a khác 0). - Sử dụng được hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.	
56	Bài 3: Tính chất đường phân giác của tam giác	2	91,92	Giải thích được tính chất đường phân giác trong của tam giác.	
57	Bài tập cuối chương 5	2	93,94	Ôn tập chương 5	
58	Bài tập cuối chương 7	2	95,96	Ôn tập chương 7	
59	KIỂM TRA GIỮA HK2 (TUẦN 25) (dự kiến)	2	97,98		
60	CHƯƠNG 8: HÌNH ĐỒNG DẠNG Bài 1: Hai tam giác đồng dạng	2	99,100	Mô tả được định nghĩa của hai tam giác đồng dạng.	
61	Bài tập cuối chương 5	2	101,102	Ôn tập chương 5	
62	Bài 2: Các trường hợp	2	103,104	Giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác	

	đồng dạng của hai tam giác			– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài đường cao hạ xuống cạnh huyền trong tam giác vuông bằng cách sử dụng mối quan hệ giữa đường cao đó với tích của hai hình chiếu của hai cạnh góc vuông lên cạnh huyền; đo gián tiếp chiều cao của vật; tính khoảng cách giữa hai vị trí trong đó có một vị trí không thể tới được,...).	
63	CHƯƠNG 6: PHƯƠNG TRÌNH Bài 1: Phương trình bậc nhất một ẩn	1	105	– Hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải.	
64	CHƯƠNG 9. Bài 1: Mô tả xác suất bằng tỉ số	1	106	– Sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản.	
65	Bài 2: Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác	2	107,108	– Giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài đường cao hạ xuống cạnh huyền trong tam giác vuông bằng cách sử dụng mối quan hệ giữa đường cao đó với tích của hai hình chiếu của hai	

				cạnh góc vuông lên cạnh huyền; đo gián tiếp chiều cao của vật; tính khoảng cách giữa hai vị trí trong đó có một vị trí không thể tới được,...).	
66	Bài 1: Phương trình bậc nhất một ẩn	2	109,110	– Hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải.	
67	Bài 1: Mô tả xác suất bằng tỉ số	1	111	– Sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản.	
68	Bài 3: Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông	1	112	– Giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài đường cao hạ xuống cạnh huyền trong tam giác vuông bằng cách sử dụng mối quan hệ giữa đường cao đó với tích của hai hình chiếu của hai cạnh góc vuông lên cạnh huyền; đo gián tiếp chiều cao của vật; tính khoảng cách giữa hai vị trí trong đó có một vị trí không thể tới được,...).	
69	Bài 2: Giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc nhất	1	113	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...).	

70	Bài 1: Mô tả xác suất bằng tỉ số	1	114	– Sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản.	
71	Bài 3: Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông	2	115,116	– Giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài đường cao hạ xuống cạnh huyền trong tam giác vuông bằng cách sử dụng mối quan hệ giữa đường cao đó với tích của hai hình chiếu của hai cạnh góc vuông lên cạnh huyền; đo gián tiếp chiều cao của vật; tính khoảng cách giữa hai vị trí trong đó có một vị trí không thể tới được,...).	
72	Bài 2: Giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc nhất	2	117,118	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...).	
73	Bài 2: Xác suất lý thuyết và xác suất thực nghiệm	1	119	– Nhận biết được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó thông qua một số ví dụ đơn giản.	
74	Bài 4: Hai hình đồng dạng	1	120	Nhận biết được hình đồng dạng phối cảnh (hình vị tự),	

				hình đồng dạng qua các hình ảnh cụ thể. – Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... biểu hiện qua hình đồng dạng.	
75	Bài 2: Giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc nhất	1	121	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...).	
76	Bài 2: Xác suất lý thuyết và xác suất thực nghiệm	1	122	– Nhận biết được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó thông qua một số ví dụ đơn giản.	
77	Bài tập cuối chương 8	2	123,124	Ôn tập chương 8	
78	KIỂM TRA HK2 (TUẦN 32) (dự kiến)	2	125,126		
79	Bài tập cuối chương 8	2	127,128	Ôn tập chương 8	
80	Bài 2: Giải bài toán bằng cách lập phương trình bậc nhất	1	129	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...).	
81	Bài 2: Xác suất lý thuyết	1	130	– Nhận biết được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất	

	và xác suất thực nghiệm			của biến cố đó thông qua một số ví dụ đơn giản.	
82	Dùng phương trình bậc nhất để tính nồng độ phần trăm của dung dịch. Thực hành pha chế dung dịch nước muối sinh lý (HĐTHTN)	2	131,132	– Vận dụng kiến thức đại số để giải thích một số quy tắc trong Hóa học – Ứng dụng phương trình bậc nhất trong các bài toán về xác định nồng độ phần trăm.	
83	Bài tập cuối chương 6	2	133,134	Ôn tập chương 6	
84	Bài tập cuối chương 9	2	135,136	Ôn tập chương 9	
85	Bài tập cuối chương 6	2	137,138	Ôn tập chương 6	
86	Bài tập cuối chương 9	2	139,140	Ôn tập chương 9	

D. Chương trình giảng dạy Khối 9

- Học kỳ 1: 18 tuần (04 tiết/tuần)

- Học kỳ 2: 17 tuần (04 tiết/tuần)

STT	Bài học	Số tiết	Tiết PPCT	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú (- Nội dung tích hợp, lồng ghép - Hoạt động thực hành, trải nghiệm -...)

1	-Căn bậc hai	1	1	-Nhận biết được khái niệm về căn bậc hai của số thực không âm. Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai của một số hữu tỉ bằng máy tính cầm tay.	Không dạy bài "Bảng căn bậc hai"
	-Căn thức bậc hai và HĐT	1	2	-Nhận biết được khái niệm về căn thức bậc hai của một biểu thức đại số. Thực hiện được một số phép tính đơn giản về căn bậc hai của số thực không âm (căn bậc hai của một bình phương).	
	-Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông	2	3 4	-Giải thích được một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông.	
2	-Căn thức bậc hai và HĐT (tt)	1	5		
	-Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương.	1	6	-Thực hiện được một số phép tính đơn giản về căn bậc hai của số thực không âm (căn bậc hai của một bình phương, căn bậc hai của một tích).	
	-Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông	2	7 8		
3	-Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương.	1	9	-Thực hiện được một số phép tính đơn giản về căn bậc hai của số thực không âm (căn bậc hai của một bình phương, căn bậc hai của một thương).	
		1	10		

	-Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai. -Tỉ số lượng giác của góc nhọn	2	11 12	-Thực hiện được một số phép biến đổi đơn giản về căn thức bậc hai của biểu thức đại số (căn thức bậc hai của một bình phương, căn thức bậc hai của một tích, căn thức bậc hai của một thương, trục căn thức ở mẫu). -Nhận biết được các giá trị sin (sine), cosin (cosine), tang (tangent), cotang (cotangent) của góc nhọn. Giải thích được tỉ số lượng giác của các góc nhọn đặc biệt (góc 30, 45, 60 độ) và của hai góc phụ nhau. Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) tỉ số lượng giác của góc nhọn bằng máy tính cầm tay.	-Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai” 1. Đưa thừa số ra ngoài dấu căn 2. Đưa thừa số vào trong dấu căn 3. Khử mẫu của biểu thức lấy căn 4. Trục căn thức ở mẫu số -Sửa lại kí hiệu tang của góc α là $\tan \alpha$ cotang của góc α là $\cot \alpha$
--	--	---	----------	---	---

4	-Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (tiếp theo). Luyện tập -Tỉ số lượng giác của góc nhọn (tt)	2 2	13 14 15 16		-không dạy bài "Bảng lượng giác":
5	-Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai. -Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông	2 2	17 18 19 20	-Thực hiện được một số phép tính đơn giản về căn bậc hai của số thực không âm (căn bậc hai của một bình phương, căn bậc hai của một tích, căn bậc hai của một thương, đưa thừa số ra ngoài dấu căn bậc hai, đưa thừa số vào trong dấu căn bậc hai). -Giải thích được một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông (cạnh góc vuông bằng cạnh huyền nhân với sin góc đối hoặc nhân với cosin góc kề; cạnh góc vuông bằng cạnh góc vuông kia nhân với tang góc đối hoặc nhân với cotang góc kề).	
6	-Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai (tt) -Căn bậc ba	1 1	21 22	-Nhận biết được khái niệm về căn bậc ba của một số thực. Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc	

	-Ứng dụng thực tế các tỉ số lượng giác (Thực hành ngoài trời)	2	23 24	ba của một số hữu tỉ bằng máy tính cầm tay. -Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với tỉ số lượng giác của góc nhọn (ví dụ: Tính độ dài đoạn thẳng, độ lớn góc và áp dụng giải tam giác vuông,...).	
7	-Ôn tập chương I -Ôn tập chương I	2 2	25 26 27 28	-Thực hiện được một số phép tính và phép biến đổi đơn giản về căn bậc hai và căn bậc ba của số thực không âm. -Giải thích được một số hệ thức về hệ thức lượng trong tam giác vuông. Giải thích được một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hệ thức lượng trong tam giác vuông và tỉ số lượng giác của góc nhọn.	
8	-Nhắc lại và bổ sung các khái niệm về hàm số -KIỂM TRA GIỮA HK1 (TUẦN 8) (dự kiến) -Ôn tập chương I (tt) -Sự xác định đường tròn. Tính	1 1 1	29 30 31 32	-Nhắc lại và bổ sung các khái niệm về hàm số đã học ở lớp 7.	

	chất đối xứng của đường tròn			-Nhận biết được tâm đối xứng, trục đối xứng của đường tròn.	
9	-Hàm số bậc nhất Đồ thị hàm số $y = ax + b$. Luyện tập	2	33 34	-Thiết lập được bảng giá trị của hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$). Vẽ được đồ thị của hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$).	-Bài tập 19: KK HS tự làm. Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Hàm số bậc nhất” 1. Khái niệm hàm số bậc nhất 2. Tính chất 3. Đồ thị của hàm số bậc nhất - Không yêu cầu học sinh vẽ đồ thị hàm số hàm số $y = ax + b$ với a, b là số vô tỉ. - Không chứng minh các tính chất của hàm số bậc nhất.

	-Sự xác định đường tròn. Tính chất đối xứng của đường tròn (tt)	1	35		
	-Đường kính và dây của đường tròn	1	36	-So sánh được độ dài của đường kính và dây.	
10	-Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau	2	37 38	-Nhận biết được khi nào hai đường thẳng song song và hai đường thẳng cắt nhau.	
	-Đường kính và dây của đường tròn (tt)	1	39		
	-Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây	1	40	-Nhận biết được mối liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây.	
11	-Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$	2	41 42	-Nhận biết được hệ số góc, tung độ góc của đường thẳng $y = ax + b$.	
	-Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây (tt)	1	43		
	-Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn	1	44	-Mô tả được ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn (đường thẳng và đường tròn cắt nhau, đường thẳng và đường tròn tiếp xúc nhau, đường thẳng và đường tròn không giao nhau).	
12	-Ôn tập chương II	2	45 46	-Vẽ được đồ thị của hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$).Viết được phương trình đường thẳng có dạng $y = ax + b$.	-Ví dụ 2: Không dạy.
		1	47		

	-Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn (tt) -Các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn	1	48	-Giải thích được dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.	
13	-Phương trình bậc nhất hai ẩn	1	49	-Nhận biết được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn.	-Bài tập 31: Không yêu cầu -Bài tập 37d; 38c: Tự học có hướng dẫn
	-Hệ hai pt bậc nhất 2 ẩn	1	50	-Nhận biết được khái niệm hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.	
	-Các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn (tt)	2	51 52		
14	-Giải hệ pt bằng pp thế	1	53	-Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.Tính được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay.Giải thích được tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau.	-Không chứng minh Kết luận Bài 2/25 SGK (ôn tập chương III đại số), Kết quả của bài được đưa vào cuối trang 10 để vận dụng làm bài tập
	-Giải hệ pt bằng PP cộng đại số	1	54		
	-Các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn (tt)	1	55		
	-Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau	1	56	-Giải thích được tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau.	

15	-Giải bài toán bằng cách lập hệ pt (tt). Luyện tập	2	57 58	-Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (ví dụ: các bài toán liên quan đến cân bằng phản ứng trong Hoá học,...).	-Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình” 1. Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. 2. Ví dụ Chọn lọc tương đối đầy đủ về các thể loại toán. Chú ý các bài toán thực tế
	-Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau (tt)	2	59 60		
16	-KIỂM TRA HK1 (TUẦN 16) (dự kiến)	2	61 62		
	-Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau (tt)	1	63		
	-Vị trí tương đối của hai đường tròn.	1	64	-Mô tả được ba vị trí tương đối của hai đường tròn (hai đường tròn cắt nhau, hai đường tròn tiếp xúc nhau,	-Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Vị trí

				hai đường tròn không giao nhau).	tương đối của hai đường tròn” 1. Ba vị trí tương đối của hai đường tròn 2. Tính chất đường nối tâm 3. Hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính 4. Tiếp tuyến chung của hai đường tròn
17	-Giải bài toán bằng cách lập hệ pt (tt). Luyện tập -Vị trí tương đối của hai đường tròn(tt)	2 2	65 66 67 68		
18	-Ôn tập chương III -Góc ở tâm – số đo cung	2 2	69 70 71 72	-Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. Tính được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (ví dụ: các bài toán liên quan đến cân bằng phản ứng trong Hoá học,...).	

				-Nhận biết được góc ở tâm. Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc ở tâm.	
19	-Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). Đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$).	2	73 74	-Thiết lập được bảng giá trị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). Vẽ được đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đối xứng của đồ thị hàm số $y=ax^2$ ($a \neq 0$). Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số $y=ax^2$ ($a \neq 0$) và đồ thị (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...).	-Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Hàm số $y= ax^2$ ($a \neq 0$)” 1. Ví dụ mở đầu 2. Tính chất của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). 3. Đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) - Chỉ nhận biết các tính chất của hàm số $y= ax^2$ nhờ đồ thị. Không chứng minh các tính chất đó bằng phương pháp biến đổi đại số. - Chỉ yêu cầu vẽ đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) với a là số hữu tỉ.

	- Liên hệ giữa cung và dây	2	75 76	-Nhận biết mối liên hệ giữa cung và dây	
20	-Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). Đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). Luyện tập -Phương trình bậc hai một ẩn số -Góc nội tiếp	1 1 2	77 78 79 80	-Nhận biết được khái niệm phương trình bậc hai một ẩn. -Nhận biết được góc nội tiếp. Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc nội tiếp. Giải thích được mối liên hệ giữa số đo góc nội tiếp và số đo góc ở tâm cùng chắn một cung.	
21	-Phương trình bậc hai một ẩn số (tt). -Công thức nghiệm của pt bậc hai. Công thức nghiệm thu gọn. Luyện tập	1 1	81 82	-Giải được phương trình bậc hai một ẩn. Tính được nghiệm phương trình bậc hai một ẩn bằng máy tính cầm tay.	-Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “Công thức nghiệm của phương trình bậc hai” 1. Công thức nghiệm của

					phương trình bậc hai 2. Công thức nghiệm thu gọn. của phương trình bậc hai
	-Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung	2	83 84	-Nhận biết được góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung. Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc tạo bởi tiếp tuyến và dây cung.	
22	-Công thức nghiệm của pt bậc hai. Công thức nghiệm thu gọn. Luyện tập (tt) -Phương trình quy về pt bậc hai 1 ẩn -Góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn	1 1 2	85 86 87 88	-Giải được các phương trình có thể quy về phương trình bậc hai một ẩn. -Nhận biết được góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn. Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn.	
23	-Phương trình quy về pt bậc hai 1 ẩn (tt). -Cung chứa góc.	2 1	89 90 91	-Nhận biết được cung chứa góc.	-Bài toán quỹ tích "cung chứa góc":

	-Tứ giác nội tiếp	1	92	-Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn và giải thích được định lý về tổng hai góc đối của tứ giác nội tiếp bằng 180^0 . Xác định được tâm và bán kính đường tròn ngoại tiếp hình chữ nhật, hình vuông	Không yêu cầu học sinh thực hiện ?2. Không yêu cầu học sinh chứng minh phần a, b. -Định lý đảo bài "Tứ giác nội tiếp" Không chứng minh
24	-Hệ thức Vi-et và ứng dụng	2	93 94	-Giải thích được định lý Viète và ứng dụng (ví dụ: tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai, tìm hai số biết tổng và tích của chúng,...).	-Bài 33: Khuyến khích học sinh tự làm
	-Tứ giác nội tiếp (tt)	2	95 96		
25	-KIỂM TRA GIỮA HK2 (TUẦN 25) (dự kiến)	2	97 98		
	-Tứ giác nội tiếp (tt).	1	99		
	-Đường tròn ngoại tiếp – Đường tròn nội tiếp	1	100	-Nhận biết được đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp.	
26	-Hệ thức Vi-et và ứng dụng (tt)	2	101 102		
	-Đường tròn ngoại tiếp – Đường tròn nội tiếp (tt)	1	103		

	-Độ dài đường tròn – độ dài cung tròn	1	104	-Tính được độ dài cung tròn. Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường tròn (ví dụ: một số bài toán liên quan đến chuyển động tròn trong Vật lí; tính được diện tích một số hình phẳng có thể đưa về những hình phẳng gắn với hình tròn, ..).	-?1 Không yêu cầu học sinh làm
27	-Giải bài toán bằng cách lập phương trình -Độ dài đường tròn ,độ dài cung tròn (tt). -Diện tích hình tròn ,diện tích hình quạt tròn	2 1 1	105 106 107 108	-Vận dụng được phương trình bậc hai vào giải quyết bài toán thực tiễn. -Tính được diện tích hình tròn,hình quạt tròn, diện tích hình vành khăn (hình giới hạn bởi hai đường tròn đồng tâm).Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường tròn (ví dụ: một số bài toán liên quan đến chuyển động tròn trong Vật lí; tính được diện tích một số hình phẳng có thể đưa về những hình phẳng gắn với hình tròn, chẳng hạn hình viên phân,...).	
28	-Giải bài toán bằng cách lập phương trình (tt)	2 1	109 110 111		

	-Hình nón – Hình nón cụt - Diện tích xung quanh và thể tích hình nón, hình nón cụt	2	123 124	-Nhận biết hình nón và giải quyết được một số bài toán liên quan đến diện tích và thể tích hình nón.	2. Ôn tập biểu đồ đoạn thẳng, biểu đồ hình quạt tròn
32	-KIỂM TRA HK2 (TUẦN 32) (dự kiến) -Hình nón – Hình nón cụt - Diện tích xung quanh và thể tích hình nón, hình nón cụt (tt) -Hình cầu. Diện tích hình cầu và thể tích hình cầu	2 1 1	125 126 127 128	 -Nhận biết hình cầu và giải quyết được một số bài toán liên quan đến diện tích và thể tích hình cầu.	 -Bài tập 36,37 Không yêu cầu học sinh làm
33	-Biểu đồ tranh, biểu đồ cột – biểu đồ cột kép -Bảng tần số, bảng tần số tương đối -Hình cầu. Diện tích hình cầu và thể tích hình cầu (tt)	1 1 2	129 130 131 132	-Nhận biết và vẽ được biểu đồ tranh, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép. -Nhận biết và lập được bảng tần số, bảng tần số tương đối.	-Bài này chia làm ba phần: 1. Biểu đồ tranh 2. Biểu đồ cột 3. Biểu đồ cột kép

34	-Phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu	2	133 134	-Nhận biết và cho ví dụ được phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu.	-1. Phép thử ngẫu nhiên 2. Không gian mẫu (tham khảo SGK 11)
	-Ôn tập chương IV	2	135 136	-Giải quyết được một số bài toán thực tế liên quan đến hình trụ, hình nón, hình cầu.	-Bài tập 44 Không yêu cầu học sinh làm)
35	-Xác suất của biến cố trong một số mô hình xác suất đơn giản.	2	137 138	-Nhận biết được biến cố, xác suất của biến cố. Tính được xác suất của biến cố.	-1. Biến cố (tham khảo SGK 11) 2. Xác suất của biến cố (chỉ lấy các ví dụ đơn giản về tung xúc xắc và đồng xu)
	-Ôn tập chương IV (tt).	2	139 140		

DUYỆT
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Sương

Lý Bạch Yến